

MOVERS PRACTICE 11

I. Write (Shall I....?)

0. Tôi nấu ăn tối cho bạn được không?

→ **Shall I cook dinner for you?**

1. Tôi uống sữa được không?

→ _____

2. Tôi vẽ 1 bức tranh được không?

→ _____

3. Tôi viết 1 câu chuyện được không?

→ _____

4. Tôi mở cửa sổ cho bạn được không?

→ _____

5. Tôi đọc sách được không?

→ _____

6. Tôi đi câu cá được không?

→ _____

7. Tôi cầm con búp bê cho bạn được không?

→ _____

8. Tôi leo cây được không?

→ _____

9. Tôi đọc 1 câu chuyện cho bạn được không?

→ _____

10. Tôi trượt patin được không?

→ _____

II. Choose the correct answer

1. Shall I eat an apple?

- A. Yes, it's good for you
- B. No, thanks
- C. I like apples

2. Shall I open the door for you?

- A. Yes, you shall
- B. Yes, please

C. The door is closed

3. Shall I cook dinner for you?

A. I don't like pizza

B. Yes, I can cook

C. No, thanks. I am not hungry

4. Shall I draw a picture?

A. Yes, draw a horse

B. I am not good at drawing

C. I like drawing very much

5. Shall I climb the tree?

A. Yes, please

B. No, it's dangerous

C. No, thanks

6. Shall I read a story for you?

A. Good idea

B. I don't like reading books

C. Here you are

7. Shall I use your pencil?

- A. I have 3 pencils
- B. No, you shall not
- C. Yes, here you are

8. Shall I call my friend?

- A. No, you have some homework to do.
- B. I am not here
- C. I have a phone

9. Shall I wash the car for you?

- A. I like going for a drive
- B. The car is red
- C. No, thanks. It's not dirty.

10. Shall I give you some lemonade?

- A. Yes, I like orange juice
- B. No, I am not hungry.
- C. Yes, please. I am thirsty

11. Shall I take a photo of the tiger?

- A. No, thank you
- B. Yes, good idea
- C. No, it's a dog

12. Shall I wear a hat?

- A. No, I am wearing a jacket
- B. Yes, he is holding glasses
- C. Yes, it's sunny outside.

13. Shall I eat an ice cream?

- A. Yes, the weather is hot.
- B. My favorite food is pizza
- C. I like drinking coffee.

III. Write (Let's...)

14. Chúng ta hãy đi bơi

→ **Let's go swimming**

11. Chúng ta hãy đọc 1 quyển sách

→ _____

12. Chúng ta hãy chụp 1 bức hình

→ _____

13. Chúng ta hãy đi đến bãi biển

→ _____

14. Chúng ta hãy vẽ 1 ngôi nhà

→ _____

15. Chúng ta hãy xem TV

→ _____

IV. Write (How about/ What about...)

0. Còn về việc uống trà sữa thì sao?

→ **How about** drinking milk tea?

= **What about** drinking milk tea?

1. Còn về việc chơi ghi ta thì sao?

→ _____

2. Còn về việc vẽ 1 con ngựa thì sao?

→ _____

3. Còn về việc đi câu cá thì sao?

→ _____

4. Còn về việc trượt patin thì sao?

→ _____

5. Còn về việc ăn xúc xích thì sao?

→ _____

V. Write (Would you like...?/ Do you want...?)

0. **Bạn có muốn ăn kem không?**
→ **Would you like to eat ice cream?**

= Do you want to eat ice cream?

1. **Bạn có muốn đi đến công viên không?**

→ _____

2. Bạn có muốn chạy xe đạp không?

→ _____

3. Bạn có muốn uống sữa không?

→ _____

4. Bạn có muốn ăn dưa hấu không?

→ _____

5. Bạn có muốn mua 1 cái áo thun màu cam không?

→ _____

VI. Translate

0. Tôi không muốn ăn kem

→ I **don't want to eat** ice cream

= I **wouldn't like to eat** ice cream

1. Tôi không muốn trượt patin

→ _____

= _____

2. Tôi không muốn làm bài tập về nhà

→ _____
= _____

3. Tôi không muốn rửa xe hơi

→ _____
= _____

VII. Rewrite

1. How about playing tennis?

= Let's _____

2. What about listening to music?

= Let's _____

3. Let's ride a bike

= How about _____?

4. Let's go for a walk

= What about _____?

VIII. Choose the correct answer

1. Be (is/am/are) good at+ _____

Ví dụ: _____

2. Like+ _____

Ví dụ: _____

3. Want+ _____

Ví dụ: _____

4. Let's+ _____

Ví dụ: _____

5. How about+ _____

Ví dụ: _____

6. Shall I+ _____

Ví dụ: _____

7. would like + _____

Ví dụ: _____

8. is/ am/are+ _____

Ví dụ: _____

9. What about+ _____

Ví dụ: _____

IX. Write

1. He is good at _____(climb) the tree.

2. Do you want _____(watch) a film?

3. Let's _____(go) camping.

4. Would you like _____(eat) sandwiches?

5. I am not good at _____(paint) a picture.

6. I don't want _____(play) chess.

7. He likes _____(sing) a song.

8. How about _____(make) a cake?

9. We are _____(drive) a car now.
10. Does your mom like _____(cook)?
11. Shall I _____(swim) in the sea?
12. Are they good at _____(skip)?
13. What about _____(sail) the boat?
14. They don't want _____(do) their homework.
15. Shall I _____(open) the door for you?
16. I would like _____(draw) a flower.
17. My dad doesn't like _____(wash) his car.
18. I am _____(clean) my house at present.
19. Let's _____(go) for a drive.
20. He wouldn't like _____(have) breakfast.

X. Choose the correct answer

1. Let's go to the zoo

- A. Good idea!
- B. I love flowers.
- C. I am hungry.

2. How about painting a picture?

- A. I am good at it
- B. Yes, I'd love to
- C. No, thanks

3. Would you like to eat chicken?

- A. Yes, please
- B. I am busy now.
- C. I am happy

4. Shall I draw a picture?

- A. Ok, draw a flower
- B. I am busy now
- C. I am not good at drawing

5. Do you want to watch a film?

- A. Yes, please

- B. No, thanks
- C. Alright

6. Do you like painting?

- A. Yes, I am
- B. Yes, I do
- C. This is my father.

7. Are you good at riding a horse?

- A. Yes he is
- B. No, I don't
- C. Yes, I am

XI. Write

1. Của tôi = _____
→ ba của tôi = _____
2. Của bạn = _____
→ tên của bạn = _____
3. Của chúng tôi = _____
→ đồ chơi của chúng tôi = _____
4. Của cô ấy = _____

→ đầm của cô ấy= _____

5. Cửa anh ấy= _____

→ nón của anh ấy= _____

6. Cửa nó= _____

→ đôi mắt của nó= _____

7. Cửa họ, của chúng nó= _____

→ con chó của họ= _____

XII. Write

1. Áo khoác của Jane= _____

2. Con mèo của Jim= _____

3. Khu vườn của Jenny= _____

4. Máy tính của Kevin= _____

5. Giáo viên của Emma= _____

-----**THE END**-----